

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 8 - 2026

“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Mạnh

Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1998; số CCCD: 026198003828; địa chỉ: Nhà số H, ngõ C, đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ, “có mặt”.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm 1995; số CCCD: 026095000438; địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh P, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2026 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Văn L đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/02/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn, chị và anh L có tìm hiểu nhau và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị làm dâu và chung sống cùng gia đình anh L tại thôn S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, chị và anh L xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung; anh L không đi làm việc, chỉ ở nhà ăn chơi cờ bạc; sau đó chị còn phát hiện anh L nghiện ma túy. Khi chị mang thai, anh L còn có hành vi đánh đập chị. Gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L không thay đổi. Đến ngày 19/5/2024 chị và cháu Vũ Gia H đã chuyển về nhà ngoại và sống ly thân với anh L. Hiện chị được biết anh L đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh P. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Vũ Gia H, sinh ngày 02/9/2023 (hiện cháu H đang ở cùng chị và ông bà ngoại). Ly hôn chị xin nuôi cháu H và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn là anh Vũ Văn L vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, anh L có bản tự khai trình bày như sau: Anh và chị Bùi Thị T đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/02/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị T về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh L ở thôn S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và một phần do anh nghiện ma túy. Nay anh xác định cũng không còn tình cảm với chị T nên chị T xin ly hôn, quan điểm anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Vũ Gia H, sinh ngày 02/9/2023. Ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi cháu H và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị T, anh L đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết

01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T. Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Vũ Văn L. Về con chung: Giao cháu Vũ Gia H, sinh ngày 02/9/2023 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về chia tài sản, vay nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Vũ Văn L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã T, tỉnh Phú Thọ; hiện anh L đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh P. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ và quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Văn L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Văn L đăng ký kết hôn ngày 21/02/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn, chị T và anh L được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị T và anh L thấy rằng: Cuộc sống chung của chị T và anh L có xảy ra nhiều mâu thuẫn như chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, chị phát hiện anh L nghiện ma túy là đúng. Ngày 11/8/2026, anh L bị Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ xử phạt 03 năm 05 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh P. Chị T và anh L đã sống ly thân từ ngày 19/5/2024 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh L. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị T. Việc các bên thuận tình ly hôn là

hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy khai sinh thì vợ chồng chị T và anh L có 01 con chung là Vũ Gia H, sinh ngày 02/9/2023 (hiện cháu H đang ở cùng chị T và ông bà ngoại). Ly hôn chị T xin được nuôi cháu Vũ Gia H, sinh ngày 02/9/2023 và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quan điểm đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Gia H, sinh ngày 02/9/2023 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy chị T hiện có chỗ ở, công việc ổn định, thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/01 tháng; việc thỏa thuận về nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó cần giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị T xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Vũ Văn L.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Gia H, sinh ngày 02/9/2023 (hiện cháu H đang ở cùng chị T) cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0005626 ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Tam Sơn, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang